

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014-8 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Hữu Anh	Tuấn	3571011768	28/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Nguyễn Minh	Kha	3671030100	06/10/1994	6,00	4,00	4,60	
3	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
4	Lý Thế	Diễn	3671030111	25/08/1994	6,00	7,80	7,30	
5	Trần Huy	Bảo	3671030209	12/03/1993	9,00	7,00	7,60	
6	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994	4,00	4,50	4,40	
7	Trương Hoài	Trưởng	3671030301	09/08/1994	10,00	7,00	7,90	
8	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	9,00	7,00	7,60	
9	Nguyễn Huỳnh	Đoàn	3671030330	06/10/1994	6,00	9,50	8,50	
10	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	,00	,00	,00	Nợ HP
11	Nguyễn Minh	Thành	3671030538	19/10/1993	6,00	8,00	7,40	
12	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994	8,00	9,50	9,10	
13	Phạm Cao	Trí	3671030556	06/10/1994	7,00	6,00	6,30	
14	Nguyễn Bá	Nhuận	3671030563	23/03/1994	9,00	8,50	8,70	
15	Phạm Văn	Bình	3671030591	23/02/1994	9,00	7,00	7,60	
16	Huỳnh Thanh	Duy	3671030592	28/11/1993	5,00	4,50	4,70	
17	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993	9,00	8,50	8,70	
18	Đoàn Thanh	Tú	3671030734	16/01/1993	4,00	5,50	5,10	
19	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994	5,00	7,00	6,40	
20	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993	9,00	6,00	6,90	
21	Lý Chánh	Tín	3671030868	26/03/1994	9,00	10,00	9,70	
22	Ngô Bảo	Toàn	3671030893	28/05/1991	6,00	7,50	7,10	
23	Lê Anh	Tuấn	3671030955	09/06/1994	7,00	9,00	8,40	
24	Trần Văn	Thông	3671030973	13/08/1994	9,00	6,00	6,90	
25	Nguyễn Minh	Luân	3671030978	03/07/1994	6,00			Nợ HP
26	Phạm Văn	Nam	3671030980	01/04/1992	6,00	7,00	6,70	
27	Trần Văn	Tứ	3671030986	04/10/1992	7,00	6,00	6,30	
28	Ngô Văn	Hiếu	3671030991	24/10/1994	6,00	9,00	8,10	
29	Tiêu Trung	Hiếu	3671031012	21/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
30	Mai Huỳnh Hữu	Trí	3671031046	06/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
31	Nguyễn Minh	Quý	3671031086	23/12/1993	9,00	3,20	4,90	
32	Nguyễn Thanh	Hải	3671031121	24/01/1994	9,00	3,50	5,20	
33	Đào Tấn	Quân	3671031126	12/06/1994	7,00	5,00	5,60	
34	Nguyễn Văn	Ninh	3671031129	05/06/1994	5,00	5,00	5,00	
35	Lê Hoàng	Phúc	3671031130	04/09/1994	5,00	6,00	5,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Vy Lê Thế	Thức	3671031166	26/10/1993	7,00	5,00	5,60	
37	Lê Quang	Cầu	3671031212	18/10/1994	6,00	5,50	5,70	
38	Nguyễn Đức	Tài	3671031214	28/08/1994	9,00	6,00	6,90	
39	Lê Đỗ Hoàng	Việt	3671031228	19/06/1993	6,00	6,50	6,40	
40	Trần Hoài	Nam	3671031268	23/03/1994	10,00	9,50	9,70	
41	Bùi Văn	Quang	3671031471	06/10/1993	3,00	3,00	3,00	
42	Lê Văn	Độ	3671031523	20/11/1994	4,00	5,00	4,70	
43	Nguyễn Vương	Lộc	3671031544	03/06/1994	8,00	7,00	7,30	
44	Nguyễn Thành	Long	3671031577	11/08/1992	5,00	5,00	5,00	
45	Đỗ Thanh	Cừ	3671031584	31/05/1994	7,00	6,00	6,30	
46	Võ Chấn	Khang	3671031909	14/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
47	Biện Văn	Chính	3671031979	10/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
48	Nguyễn Đức	Tĩnh	3671032050	29/07/1994	4,00	8,00	6,80	
49	Hán Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	5,00	8,50	7,50	
50	Trần Đình	Nam	3671040078	29/12/1994	5,00	8,00	7,10	
51	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	5,00	9,00	7,80	
52	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	4,00	3,00	3,30	
53	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
54	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	5,00	8,50	7,50	
55	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	7,00	9,50	8,80	
56	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994	9,00	6,00	6,90	
57	Phùng Văn	Sang	3671040350	25/04/1994	4,00	2,30	2,80	
58	Nguyễn Tùng	Chính	3671040372	27/12/1994	8,00	5,00	5,90	
59	Vũ Hải	Đăng	3671040512	19/08/1994	3,00	6,00	5,10	
60	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994	7,00	5,50	6,00	
61	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994	4,00	3,00	3,30	
62	Phạm Qui	Tông	3671040683	04/10/1993	7,00	7,50	7,40	
63	Nguyễn Tuấn	Khanh	3671040694	22/12/1994	10,00	10,00	10,00	
64	Nguyễn Văn	Hải	3671040710	18/03/1993	5,00	9,00	7,80	
65	Đoàn Công	Tuấn	3671040773	24/08/1994	6,00	5,50	5,70	
66	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993	8,00			Nợ HP
67	Lê Công	Triệu	3671040959	14/05/1994	5,00	7,00	6,40	
68	Phan Thế	Mạnh	3671040975	11/06/1993	7,00	9,50	8,80	
69	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993	9,00	2,00	4,10	
70	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	7,00	3,00	4,20	
71	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	6,00	4,00	4,60	
72	Đàng Thiên	Tấn	3671041103	05/08/1992	6,00	6,00	6,00	
73	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993	9,00	7,00	7,60	
74	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994	10,00	9,50	9,70	
75	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994	8,00	6,00	6,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Ngọc	Sang	3671041646	02/01/1993	,00	,00	,00	CT
77	Nguyễn Thanh	Quân	3671041647	21/03/1994	3,00	9,00	7,20	
78	Nguyễn Văn	Hiếu	3671041923	02/06/1994	3,00			Nợ HP
79	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
80	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
81	Lê Công	Toàn	3672050008	08/03/1994	7,00	5,00	5,60	
82	Phạm Duy	Huy	3672050448	25/08/1994	6,00	6,00	6,00	
83	Ngô Việt	Đức	3672051098	14/11/1994	6,00	1,00	2,50	
84	Phạm Ngọc	Hiệu	3672051194	19/05/1994	5,00	4,00	4,30	
85	Bạch Thành	Nhân	3672051486	07/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
86	Võ Duy	Thanh	3672051545	18/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
87	Lê Đặng Hoài	Phương	3672051600	16/08/1994	6,00	3,00	3,90	
88	Nguyễn Thành	Luân	3672052028	05/11/1994	9,00	8,50	8,70	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)